TRƯỜNG THPT BẢO LỘC
ĐỀ CHÍNH THỨC

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ II NĂM HỌC 2023 – 2024
Môn: Địa Lý – Lớp 11
Thời gian làm bài: 45 phút, không tính thời gian phát đề

Họ và tên: ..... Lớp: ..... **Mã đề 101**

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (6 ĐIỂM)

Câu 1. Phía bắc của vùng Trung tâm Hoa Kỳ phát triển mạnh chăn nuôi bò, chủ yếu do có
A. gò đồi thấp. **B.** đồng bằng rộng. **C.** sông nhiều nước. **D.** đồng cỏ rộng.

Câu 2. Liên bang Nga giáp với các đại dương nào sau đây?
A. Bắc Băng Dương, Đại Tây Dương. **B.** Thái Bình Dương, Bắc Băng Dương.
C. Ấn Độ Dương, Thái Bình Dương. **D.** Đại Tây Dương, Ấn Độ Dương.

Câu 3. Lãnh thổ Hoa Kỳ phần lớn nằm trong vành đai khí hậu
A. nhiệt đới. **B.** xích đạo. **C.** ôn đới. **D.** hàn đới.

Câu 4. Nhật Bản tập trung vào các ngành công nghiệp đòi hỏi kĩ thuật cao là do
A. không có khả năng nhập khẩu các sản phẩm chất lượng cao.
B. có nguồn vốn lớn, nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú.
C. có nguồn lao động dồi dào, trình độ người lao động cao
D. hạn chế sử dụng nhiều nguyên nhiên liệu, lợi nhuận cao.

Câu 5. Người dân Nhật Bản có trình độ dân trí cao chủ yếu là do
A. phổ cập giáo dục, xóa mù chữ. **B.** chính sách thu hút nhân tài.
C. chất lượng cuộc sống rất tốt. **D.** chú trọng đầu tư cho giáo dục.

Câu 6. Tỉ lệ người già trong dân cư ngày càng lớn đã gây khó khăn chủ yếu nào sau đây đối với Nhật Bản?
A. Thu hẹp thị truờug tiêu thụ, gia tăng súc ép việc làm.
B. Thiếu nguồn lao động, phân bố dân cư không hợp lí.
C. Thiếu nguồn lao động, chi phí phúc lợi xã hội lớn.
D. Thu hẹp thị trường tiêu thụ, mở rộng dịch vụ an sinh.

Câu 7. Biểu hiện nào sau đây là khó khăn của tự nhiên Liên bang Nga đối với phát triển kinh tế?
A. Diện tích rừng lớn, chủ yếu rừng khái thác.
B. Tài nguyên tập trung chủ yếu ở vùng núi.
C. Nhiều sông ngòi có trữ năng thủy điện lớn.
D. Phần lớn lãnh thổ nằm ở khí hậu ôn đới.

Câu 8. Vùng nào sau đây có mật độ dân số cao nhất ở Liên bang Nga?
A. Đông Xi-bia. **B.** Đồng bằng Đông Âu.
C. Đồng bằng Tây Xi-bia. **D.** Cao nguyên Trung Xi-bia.

Câu 9. Nhân tố nào sau đây làm cho khí hậu Nhật Bản phân hóa thành vùng khí hậu ôn đới và khí hậu cận nhiệt?
A. Các dòng biển nóng và lạnh.
B. Nhật Bản nằm trong khu vực gió mùa.
C. Lãnh thổ trải dài theo chiều Bắc - Nam.
D. Nhật Bản là một quần đảo.

Câu 10. Phát biểu nào sau đây **không** đúng về dân cư Nhật Bản?
A. Tỉ lệ người già ngày càng gia tăng.
B. Nhật Bản là một nước đông dân.
C. Phần lớn dân ở các đô thị ven biển.
D. Tỉ suất gia tăng tự nhiên dân số cao.

Câu 11. Ngành nào sau đây tạo nguồn hàng xuất khẩu chủ yếu cho Hoa Kỳ?
A. Nông nghiệp. **B.** Công nghiệp. **C.** Ngư nghiệp. **D.** Tiểu thủ công.

Câu 12. Chiều dài của đường Xích đạo được ví xấp xỉ với chiều dài
A. đường bờ biển của Liên bang Nga. **B.** biên giới Liên bang Nga với châu Á.
C. đường biên giới của Liên bang Nga. **D.** chiều dài các sông ở Liên bang Nga.

Câu 13. Đảo có diện tích lớn nhất Nhật Bản là
A. Hô-cai-đô. **B.** Xi-cô-cư. **C.** Hôn-su. **D.** Kiu-xiu.

Câu 14. Công nghiệp Hoa Kỳ có sự dịch chuyển phân bố từ vùng Đông Bắc đến
A. vùng phía Nam và vùng phía Tây. **B.** vùng phía Bắc và phía Nam.

C. vùng Trung tâm và phía Bắc. **D.** ven Đại Tây Dương và phía Nam.

Câu 15. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với ngoại thương của Hoa Kỳ?

A. Chiếm tỉ trọng lớn trong cơ cấu GDP.

B. Luôn là một nước xuất siêu rất lớn.

C. Đối tác thương mại lớn của nhiều nước.

D. Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu lớn.

Câu 16. Quần đảo Ha-oai của Hoa Kỳ nằm giữa đại dương nào sau đây?

A. Đại Tây Dương. **B.** Thái Bình Dương. **C.** Bắc Băng Dương. **D.** Ấn Độ Dương.

Câu 17. Ngành công nghiệp nào sau đây chiếm phần lớn giá trị hàng công nghiệp xuất khẩu của Nhật Bản?

A. Công nghiệp luyện kim. **B.** Công nghiệp điện tử.

C. Công nghiệp chế tạo. **D.** Công nghiệp hóa chất.

Câu 18. Dãy U-ran được xem là ranh giới tự nhiên của

A. đồng bằng Đông Âu và cao nguyên Trung Xi-bia.

B. đồng bằng Tây Xi-bia và cao nguyên Trung Xi-bia.

C. phần lãnh thổ phía Đông và phần lãnh thổ phía Tây.

D. hai châu lục Á-Âu trên lãnh thổ Liên bang Nga.

Câu 19. Hoa Kỳ là quốc gia rộng lớn nằm ở

A. Nam Mĩ. **B.** Bắc Mĩ. **C.** Ca-ri-bê. **D.** Trung Mĩ.

Câu 20. Dân cư Hoa Kỳ tập trung với mật độ cao nhất ở

A. ven Đại Tây Dương. **B.** ven vịnh Mê-hi-cô.

C. ven Thái Bình Dương. **D.** khu vực trung tâm.

Câu 21. Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với dân cư Hoa Kỳ?

A. Dân số tăng nhanh do nhập cư. **B.** Hiện nay không có dân nhập cư.

C. Người nhập cư đa số từ châu Âu. **D.** Có quy mô đứng thứ ba thế giới.

Câu 22. Nơi dòng biển nóng và lạnh gặp nhau ở vùng biển Nhật Bản thường tạo nên

A. sóng thần dữ dội. **B.** ngư trường nhiều cá.

C. động đất thường xuyên. **D.** bão lớn hàng năm.

Câu 23. Dân số Liên bang Nga giảm đi trong thập niên 90 của thế kỉ XX do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

A. Tỉ suất gia tăng tự nhiên dân số âm và nhập cư ít.

B. Tỉ suất sinh thấp, tỉ suất tử cao, người nhập cư lớn.

C. Tỉ suất sinh thấp, tỉ suất tử thấp, người nhập cư ít.

D. Tỉ suất gia tăng tự nhiên dân số âm và do xuất cư.

Câu 24. Sản phẩm xuất khẩu quan trọng nhất của Liên bang Nga là

A. xe cộ, đá quý, chất dẻo. **B.** sản phẩm điện, điện tử.

C. máy móc và dược phẩm. **D.** dầu thô và khí tự nhiên.

II. PHẦN TỰ LUẬN (4 ĐIỂM)

1. Cho bảng số liệu sau

Trị giá xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ Hoa Kỳ giai đoạn 2000 - 2020

(Đơn vị: tỉ USD)

Năm	2000	2005	2010	2015	2020
Xuất khẩu	1096,1	1301,6	1857,2	2268,5	2148,6
Nhập khẩu	1477,2	2041,5	2389,6	2794,8	2776,1

(Nguồn: WB, 2022)

a. Vẽ biểu đồ cột thể hiện trị giá xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ Hoa Kỳ giai đoạn 2000 – 2020 dựa vào bảng số liệu trên. (1,5 điểm)

b. Nhận xét hoạt động xuất - nhập khẩu của Hoa Kỳ giai đoạn trên. (0,5 điểm)

2. Những nguyên nhân nào làm Nhật Bản trở thành quốc gia đứng đầu thế giới về chế tạo Robot?(1 điểm)

3. Cho bảng dân số Liên bang Nga:

Năm	2000	2010	2015	2020
Số dân(Triệu người)	146,6	143,5	145,0	145,9

(Nguồn: UN, 2022)

Cho biết diện tích của LB Nga là 17,1 triệu km². Tính mật độ dân số của LB Nga các năm trên. (1 điểm)

SỞ GD&ĐT LÂM ĐỒNG
TRƯỜNG THPT BẢO LỘC

KIỂM TRA GIỮA KỲ II (2023-2024)
MÔN: ĐỊA LÝ 11

HƯỚNG DẪN CHẤM

I. TRẮC NGHIỆM

Câu	101	102	103	104
1	D	A	B	A
2	B	C	D	B
3	C	B	A	C
4	D	A	B	D
5	D	C	C	B
6	C	A	C	D
7	B	D	D	A
8	B	D	B	C
9	C	D	D	B
10	D	C	B	C
11	B	A	C	D
12	C	D	C	B
13	C	B	D	B
14	A	C	A	A
15	B	C	D	C
16	B	A	A	A
17	C	C	A	C
18	D	A	C	A
19	B	D	D	D
20	A	A	B	C
21	B	B	A	B
22	B	D	C	A
23	D	B	A	D
24	D	B	B	C

II. TỰ LUẬN

Đề 101 và 103:

Câu	*Nội dung*	*Điểm*
1 ***(2 điểm)***	- Vẽ biểu đồ đúng, đầy đủ, đẹp. - Sai, thiếu 1 lỗi trừ 0,25 điểm. Nhận xét:	*1,5* *0,25*

<table>
<tr><td></td><td>- Giá trị xuất - nhập khẩu của Hoa Kỳ tăng trong giai đoạn 2000 - 2015 và giảm nhẹ từ 2015 – 2020.
- Nhập khẩu luôn lớn hơn xuất khẩu -> Nhập siêu</td><td>0,25</td></tr>
<tr><td>2
(1 điểm)</td><td>Những nguyên nhân nào làm Nhật Bản trở thành quốc gia đứng đầu thế giới về chế tạo Robot:
- Thiếu lao động.
- Trình độ khoa học kĩ thuật cao.
- Đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế tri thức.
- Lực lượng lao động có chuyên môn cao.
ĐỦ 4 ý đúng được 1 điểm (mở)</td><td>0,25
0,25
0,25
0,25</td></tr>
<tr><td>3
(1 điểm)</td><td>Mật độ dân số Nga các năm
<table><tr><th>2000</th><th>2010</th><th>2015</th><th>2020</th></tr><tr><td>8,57</td><td>8,39</td><td>8,48</td><td>8,53</td></tr></table>Mỗi năm đúng 0,25 điểm.</td><td>0,25
0,25
0,25
0,25</td></tr>
</table>

Đề 102 và 104:

<table>
<tr><th>Câu</th><th>Nội dung</th><th>Điểm</th></tr>
<tr><td>1
(2 điểm)</td><td>- Vẽ biểu đồ đúng, đầy đủ, đẹp.
- Sai, thiếu 1 lỗi trừ 0,25 điểm.
Nhận xét:
- Giá trị xuất khẩu của Nhật Bản tăng từ 2000 – 2010 rồi giảm xuống vào năm 2015 và tăng nhẹ vào năm 2020.
- Giá trị nhập khẩu tăng liên tục từ năm 2000 tới 2015 và giảm nhẹ vào năm 2020.</td><td>1,5

0,25

0,25</td></tr>
<tr><td>2
(1 điểm)</td><td>Thị trường tiêu thụ trong nước của Hoa Kì có nhu cầu cao vì:
- Đông dân thứ 3 thế giới.
- Thu nhập bình quân đầu người cao.
- Văn hóa tiêu dùng phát triển.
Ảnh hưởng đến hoạt động xuất nhập khẩu: Do nhu cầu tiêu thụ cao làm cho Hoa Kỳ nhập siêu.</td><td>0,25
0,25
0,25
0,25</td></tr>
<tr><td>3
(1 điểm)</td><td>Mật độ dân số Hoa Kì các năm
<table><tr><th>2005</th><th>2010</th><th>2015</th><th>2020</th></tr><tr><td>30,15</td><td>31,56</td><td>32,72</td><td>33,82</td></tr></table>Mỗi năm đúng 0,25 điểm.</td><td>0,25
0,25
0,25
0,25</td></tr>
</table>